

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành tại Quyết định số: 07/QĐ-ĐHNCT ngày 06/03/2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình : **Cử nhân Quản trị Kinh doanh**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **QUẢN TRỊ KINH DOANH**
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**
Mã số : **52340101**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo các Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho người học kiến thức về:

- Cử nhân được trang bị đầy đủ kiến thức về thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến công việc sản xuất – kinh doanh ở các tổ chức kinh doanh và các tổ chức khác.
- Kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh, marketing, bán hàng để đáp ứng các yêu cầu trong công việc như điều hành, quản lý công việc kinh doanh, xúc tiến thương mại,...
- Kiến thức liên quan đến việc tổ chức, thực hiện các công việc tác nghiệp và quản lý ở các lĩnh vực như: kinh doanh, nhân sự, sản xuất, chất lượng, marketing, kế hoạch,...
- Trang bị kiến thức về phương pháp luận giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng.

1.2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành hệ thống sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.
- Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.
- Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến sản xuất, nhân sự, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, hậu mãi,...
- Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng.
- Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.
- Trình độ tiếng Anh và tin học từ chứng chỉ B trở lên.
- Có kiến thức và khả năng về nghiên cứu khoa học

1.2.3. Tổ chất

- Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội.

1.2.4. Về triển vọng việc làm

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường,... và trong thời gian ngắn có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp và các tổ chức.
- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường làm việc đa văn hoá

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng đơn vị học trình): 125 TC

(Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh Đại học Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 05/2008/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2008. Mọi công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành “ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”.

- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa và năm học. Một năm có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần kiểm tra, thi. Ngoài hai học kỳ chính, trường sẽ tổ chức thêm một học kỳ hè để cho những sinh viên thi không đạt ở các học kỳ chính được học lại.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên (SV) được xem xét để công nhận tốt nghiệp nếu hội đủ các điều kiện sau:

- Thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Tính đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không có học phần nào bị điểm dưới 5,0.
- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Có đủ các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

Điểm Chuyên đề tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, thi tốt nghiệp đều được tính vào điểm trung bình chung học tập toàn khóa của SV (trừ môn thi tốt nghiệp Khoa học Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh).

6. Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm của quyết định 43/ 2007/QĐ- BGDDT ngày 15/08/2007.

7. Nội dung chương trình đào tạo: 125TC

Kiến thức giáo dục đại cương	40
-------------------------------------	-----------

(chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85
---	-----------

Trong đó:

- | | |
|------------------------------|----|
| – Kiến thức cơ sở khối ngành | 10 |
| – Kiến thức cơ sở ngành | 16 |
| – Kiến thức ngành | 13 |

–	Kiến thức chuyên ngành	28
–	Kiến thức bổ trợ	6
–	Thực tập nghề nghiệp và khoá luận	12

7.1 KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG 40 TC

7.1.1 Lý luận chính trị 10 TC

Số TT	Tên học phần	TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin	5
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3

7.1.2 Khoa học xã hội 6 TC

Số TT	Tên học phần	TC
	Học phần bắt buộc	4
1	Pháp luật đại cương	2
2	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2
3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)	2
1	Tâm lý học đại cương	2
2	Tâm lý ứng dụng trong kinh doanh	2
3	Logic học	2

7.1.3 Nhân văn – nghệ thuật (chọn 1 trong 2 học phần) 2 TC

Số TT	Tên học phần	TC
1	Giao tiếp kinh doanh	2
2	Hành vi khách hàng	2

7.1.4 Ngoại ngữ 9TC

Số TT	Tên học phần	TC
1	Tiếng Anh căn bản 1	3
2	Tiếng Anh căn bản 2	3
3	Tiếng Anh căn bản 3	3

7.1.5 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường 13TC

Số TT	Tên học Phần	TC
1	Toán cao cấp 1	2
2	Toán cao cấp 2	2
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
4	Tin học đại cương	3
5	Tin học nâng cao	3

7.1.6 Giáo dục thể chất **5TC**

7.1.7 Giáo dục quốc phòng **11TC**

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP **85 TC**

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành **10 TC**

STT	Tên học phần	TC
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	2
4	Marketing căn bản	2
	Tổng cộng	10

7.2.2 Kiến thức cơ sở của ngành **16 TC**

STT	Tên học phần	TC
1	Nguyên lý thống kê kinh tế	2
2	Nguyên lý kế toán	3
3	Luật kinh tế	3
4	Tài chính – tiền tệ	3
5	Kinh tế lượng	3
6	Toán kinh tế	2
	Tổng cộng	16

7.2.3 Kiến thức ngành **13 TC**

STT	Tên học phần	TC
Kiến thức ngành		
1	Hệ thống thông tin quản lý	2
2	Nghiên cứu Marketing	2
3	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	2
4	Thực hành nghề nghiệp 1	2
5	Hành vi tổ chức	2
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành **28 TC**

STT	Tên học phần	TC
	Học phần bắt buộc	26
1	Quản trị nhân lực	2
2	Quản trị chiến lược	3
3	Quản trị chất lượng	2

4	Quản trị sản xuất	2
5	Quản trị thương hiệu	2
6	Quản trị bán hàng	2
7	Quản trị Marketing	2
8	Quản lý dự án đầu tư	2
9	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
10	Quản trị hành chính văn phòng	2
11	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2
12	Thực hành nghề nghiệp 2	3
	Tự chọn	2
6	Kế toán quản trị	2
7	Thanh toán quốc tế	2
8	Thuế	2

7.2.5 Kiến thức bổ trợ

6 TC

STT	Tên học phần	TC
1	Quan hệ công chúng	2
2	Kinh tế quốc tế	2
3	Nghiên cứu Khoa học	2
	Tổng cộng	6TC

7.2.6 Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp

12 TC

STT		12TC
	Thực tập cuối khóa	4
	Khóa luận tốt nghiệp	8

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Học kỳ I

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1	MAT101	Toán cao cấp 1	Advanced Mathematics 1	3(2,1)
2	MLE101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	Fundamental Principles of Marxism-Leninist 1	2(2,0)
3	LAW101	Pháp luật đại cương	General Law	2(2,0)
4	INF101	Tin học đại cương	Basic Informatics	3(2,1)
5	ECO101	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3(2,1)
6	ESL101	Tiếng Anh căn bản 1	Basic Foreign Languages 1	3(2,1)
7	PHT101	Giáo dục thể chất 1	Physical Education 1	2
8	MIT101	Giáo dục quốc phòng	Military Education	7
Tổng cộng			Không tính GDTC và GDQP	16 TC

Học kỳ II

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1	MAT102	Toán cao cấp 2	Advanced Mathematics 2	3(2,1)
2	MLE102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	Fundamental Principles of Marxism-Leninist 2	3(3,0)
3	ACC101	Nguyên lý kế toán	Principle of accounting	3(2,1)
4	ECO102	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3(2,1)
5		Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh		2(2,1)
6	ESL102	Tiếng Anh căn bản 2	Basic Foreign Languages 2	3(2,1)
7	PHT102	Giáo dục thể chất 2	Physical Education 2	3
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 3)				
8a	SOC101	Logic học	Logics	2(2,0)
8b	PSF101	Giao tiếp trong doanh	Psychology	2(2,0)
8c		Hành vi khách hàng		2(2,0)
Tổng cộng				17 TC

Học kỳ III

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1	MLE201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	3(3,0)
2	BUS201	Quản trị học	Fundamentals of Management	2(3,0)
3		Toán kinh tế		3(2,1)
4	LAW201	Luật kinh tế		2(1,1)
5	ESL201	Tiếng Anh căn bản 3	Basic Foreign Language 3	3(2,1)
6	MAT201	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Basic Statistics and Probability	3(2,1)
7		Tin học nâng cao		3(2,1)
Tổng cộng				19 TC

Học kỳ IV

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1	MLE202	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Revolutionary Directions of Vietnam Communist Party	2(2,0)
2	BUS201	Marketing căn bản	Marketing Fundamentals	2(2,1)
3		Nguyên lý thống kê kinh tế	Principles of Economics Statistics	2(2,1)
4	FIN202	Nghiên cứu Marketing		2(2,1)
		Thiết lập thâm định dự án đầu		2(2,1)

		tư		
5	FIN308	Thực hành nghề nghiệp 1	Professional practice	2(0,2)
6	ESL202	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Foreign Language for Finance and Banking 2	3(2,1)
7	FIN403	Tài chính- Tiền tệ		2(2,1)
Tổng cộng				17 TC

Học kỳ V

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1	MAT202	Kinh tế lượng	Econometrics	2(2,0)
2		Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh		2(2,1)
3	ESL301	Tiếng Anh chuyên ngành 2	Foreign Language for Finance and Banking 2	3(2,1)
4	FIN406	Hệ thống thông tin quản lý		2(2,1)
5		Quản trị kinh doanh quốc tế		2(1,1)
6	FIN203	Quản trị bán hàng		2(2,0)
7	FIN306	Phân tích hoạt động kinh doanh		2(2,1)
8		Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo		2(2,1)
Tổng cộng				17 TC

Học kỳ VI

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1	FIN303	Quản trị sản xuất	Financial Market	3(2,1)
2	FIN310	Quản trị chất lượng		3(2,0)
3		Quản trị nhân lực		2(2,0)
4	FIN404	Tin học ứng dụng	Portfolio Management	3(2,1)
5	FIN401	Quản trị thương hiệu		2(2,1)
6	FIN408	Quản trị kinh doanh quốc tế		2(2,1)
7		Quản trị hành chính văn phòng		2(2,1)
Tổng cộng				17 TC

Học kỳ VII

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1		Quản trị dự án đầu tư		2(2,1)
2	ACC402	Thực hành nghề nghiệp 2	Professional practice	3(2,1)
3	FIN407	Quản trị tài chính DN		2(2,1)
4		Quản trị chiến lược		

5		Quản trị Marketing		2(2,1)
6	FIN405	Hành vi tổ chức	Setting and evaluation of investment projects	2(2,1)
7	FIN401	Quan hệ công chúng		2(2,1)
Học phần tự chọn				
4a		Kế toán quản trị		2(2,1)
4b		Thanh toán quốc tế		2(2,1)
4c	BUS301	Thuế		2(1,1)
Tổng cộng				15 TC

Học kỳ VIII

STT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Số tín chỉ
Học phần bắt buộc				
1		Thực tập cuối khóa và viết khóa luận tốt nghiệp	Graduation practice	12
Tổng cộng				12

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1 Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

- Tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)
= 30 đối với học phần thực hành
= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập
Số tiết của các học phần là bội số của 15

9.2 Chương trình ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo đơn ngành. Chương trình này được biên soạn trên cơ sở của chương trình khung khối ngành Kinh tế - QTKD do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài phần cứng do Bộ quy định, trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo.